

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 2 năm 2022

Tháng 07 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 33

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		778.379.283.736	753.034.399.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	108.909.525.847	96.711.586.478
1. Tiền	111		6.009.525.847	2.311.586.478
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.900.000.000	94.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.547.613.191	23.663.760.686
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.a	27.547.613.191	23.663.760.686
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		613.130.061.626	604.080.624.006
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.925.546.779	27.473.336.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	873.422.500	973.494.510
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.a	147.201.528.943	143.144.528.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	458.527.919.923	455.350.641.844
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(22.398.356.519)	(22.861.378.052)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	26.056.975.072	25.817.937.982
1. Hàng tồn kho	141		26.056.975.072	25.817.937.982
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.735.108.000	2.760.490.674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	11.179.996	16.769.998
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.061.398.053	1.081.190.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	1.662.529.951	1.662.529.951
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.905.360.385.126	3.819.894.301.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		585.365.736.163	500.041.964.305
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.b	413.005.250.000	340.305.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.b	172.360.486.163	159.736.714.305
II. Tài sản cố định	220		626.094.347	729.951.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	626.094.347	729.951.487
2. - Nguyên giá	222		3.216.170.971	3.143.834.571
3. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.590.076.624)	(2.413.883.084)
4. - Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.315.190.900.492	3.314.804.447.204
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.a	2.484.118.823.206	2.484.118.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10.b	831.072.077.286	827.175.623.998
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.b	-	3.510.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.177.654.124	4.317.938.032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	4.177.654.124	4.317.938.032
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.683.739.668.862	4.572.928.700.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.734.753.796.323	1.743.936.513.278
I. Nợ ngắn hạn	310	1.128.426.318.637	1.175.552.920.377
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.12	173.376.290.435	173.234.386.341
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.13	463.743.722.263	463.743.722.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.14.b	276.271.083	205.612.052
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.15	567.760.685	792.233.869
5. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.16.a	174.459.250.119	220.823.305.821
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.17.a	313.723.493.151	315.323.493.151
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.279.530.901	1.430.166.880
II. Nợ dài hạn	330	606.327.477.686	568.383.592.901
1. Phải trả dài hạn khác	337 V.16.b	180.905.727.686	105.846.842.901
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.17.b	425.421.750.000	462.536.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.948.985.872.539	2.828.992.187.576
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.18	2.948.985.872.539	2.828.992.187.576
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412	3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	91.212.950.485	81.310.130.378
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	925.567.523.958	815.476.659.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	800.037.372.053	617.420.256.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	125.530.151.905	198.056.402.149
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4.683.739.668.862	4.572.928.700.854

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán Quý 2 và Lũy kế năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.015.593.569	600.000.000	4.075.566.861	2.294.014.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.015.593.569	600.000.000	4.075.566.861	2.294.014.573
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.119.428.734	822.731.047	1.416.554.049	2.508.100.441
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		896.164.835	(222.731.047)	2.659.012.812	(214.085.868)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	87.618.226.238	89.350.455.177	165.938.979.254	138.944.827.008
Chi phí tài chính	22	VI.4	18.738.132.123	20.787.295.295	37.885.751.125	41.566.662.467
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.738.132.123	20.787.295.295	37.885.751.125	41.566.662.467
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.129.988.347	2.021.593.987	5.182.089.036	4.123.779.274
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		67.646.272.603	66.318.834.848	125.530.151.905	93.040.299.399
Thu nhập khác	31		-	(300.000.000)	-	-
Chi phí khác	32		-	(183.908.280)	-	389.689
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	(116.091.720)	-	(389.689)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.646.272.603	66.202.743.128	125.530.151.905	93.039.909.710
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		67.646.272.603	66.202.743.128	125.530.151.905	93.039.909.710

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.530.151.905	93.039.909.710
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	176.193.540	179.672.498
Các khoản dự phòng	03	(463.021.533)	(86.795.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(165.938.979.254)	(138.944.827.008)
Chi phí lãi vay	06	37.885.751.125	41.566.662.467
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.809.904.217)	(4.245.377.333)
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	63.876.996.716	2.740.200.642
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(239.037.090)	1.240.722.168
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.937.085.326	(972.191.740)
Giảm chi phí trả trước	12	145.873.910	1.250.760.376
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.695.820.348)	(30.814.388.960)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.131.200.000)	(815.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.083.994.297	(31.615.374.847)
			-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(72.336.400)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.073.852.505)	(151.960.394.562)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.943.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.896.453.288)	(15.099.178.082)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	84.928.587.265	172.782.151.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.828.945.072	5.722.579.055

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.600.000.000	14.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.315.000.000)	(17.882.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.715.000.000)	(3.382.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	12.197.939.369	(29.274.795.792)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.711.586.478	109.765.301.070
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	108.909.525.847	80.490.505.278

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

MẪU SỐ B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CIIT"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 27 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 20).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang -Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo Quý 2/2022 từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay vốn của Công ty. Phí cam kết là một số tiền cố định hoặc tỷ lệ phần trăm của số tiền vay. Phí cam kết rút vốn được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.009.525.847	2.311.586.478
Các khoản tương đương tiền	102.900.000.000	94.400.000.000
Cộng	108.909.525.847	96.711.586.478

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 1.500.000.000 đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện các dự án và cầm cố cho khoản vay (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 15.000.000.000 tỷ đồng).

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	27.547.613.191	27.547.613.191	23.663.760.686	23.663.760.686
b. Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	5.575.779.082	3.780.751.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.945.801.731
Các khách hàng khác	9.821.506.758	9.701.302.758
Cộng	28.925.546.779	27.473.336.761
(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.528.880.000	1.320.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.096.638.889	431.312.458
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	376.445.000	
Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	544.376.120	
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Cộng	5.575.779.082	3.780.751.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Nhà cung cấp khác	873.422.500	973.494.510
Cộng	873.422.500	973.494.510

5. Phải thu về cho vay

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	147.201.528.943	143.144.528.943
Công ty CII	104.701.528.943	97.701.528.943
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh	39.500.000.000	39.500.000.000
Cty CP XD Hạ Tầng CII	3.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
Cộng ngắn hạn	147.201.528.943	143.144.528.943
b. Phải thu dài hạn		
<i>Phải thu bên khác không phải là bên liên quan</i>	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	181.580.000.000	108.880.000.000
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	177.380.000.000	104.680.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	4.200.000.000
Cộng dài hạn	413.005.250.000	340.305.250.000
Tổng Cộng	560.206.778.943	483.449.778.943

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn 31/12/2023.

(ii) Số dư nợ vay 231.425.250.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại ngày 01/01/2022 công ty trình bày lại từ ngắn hạn qua dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

Thông tin chi tiết các khoản phải thu về cho vay

Bên vay	Số dư cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất cho vay	Mục đích cho vay	Tài sản đảm bảo
Phải thu về cho vay ngắn hạn						
Công ty CII	104.701.528.943	1 năm	31/12/2022	11%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	39.500.000.000	3 năm	05/12/2022	9,8%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Cty CP XD Hạ-Tầng CII (E&C)	3.000.000.000	1 tháng	22/07/2022	10%/năm	Thực hiện đầu tư mở rộng xây dựng công trình Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn Tỉnh Ninh Thuận	Không có tài sản đảm bảo
Phải thu về cho vay dài hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000		31/12/2023	11%/năm	Góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Đảm bảo bằng phần vốn góp của Công ty Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	177.380.000.000	5 năm	25/11/2025	9,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	4.200.000.000	5 năm	19/03/2026	8,4%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	445.034.528.620	443.044.326.507
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	460.311.941	706.334.122
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Các khoản chi hộ	54.087.663	32.005.864
Phải thu người lao động	95.533.015	65.500.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	2.436.855.174	1.055.871.841
Cộng	458.527.919.923	455.350.641.844
b. Phải thu dài hạn		
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	172.360.486.163	159.736.714.305
Cộng	172.360.486.163	159.736.714.305
Tổng Cộng	630.888.406.086	615.087.356.149
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	445.034.528.620	443.044.326.507
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	90.122.198.535	126.581.051.082
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	195.738.224.083	156.542.865.764
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	153.418.570.017	153.418.570.017
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	5.755.535.985	6.501.839.644
Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	1.388.483.333	340.484.375
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.380.983.333	-
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	340.484.375
Các khoản phải thu khác	600.000.000	600.000.000
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	600.000.000	600.000.000
Cộng	447.023.011.953	443.984.810.882

(*) Số dư Phải thu lãi cho vay 159.736.714.305 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại ngày 01/01/2022 công ty trình bày lại từ ngắn hạn qua dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.229.054.213	2.156.369.535
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	(21.072.684.678)
Phải thu ngắn hạn khác	455.871.841	(869.800.000)
Cộng	24.554.726.054	(22.398.356.519)
		Giá gốc VND
		Dự phòng VND
		Giá trị có thể thu hồi VND
		Dự phòng VND
		23.229.054.213
		1.693.348.002
		(21.535.706.211)
		(869.800.000)
		(455.871.841)
		-
		-
		24.554.726.054
		1.693.348.002
		(22.861.378.052)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	30/06/2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	(22.861.378.052)	(12.137.219.119)
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	(10.810.953.933)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	463.021.533	86.795.000
Số cuối năm	-22.398.356.519	-22.861.378.052

8. Hàng tồn kho

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
		Dự phòng VND
		Giá gốc VND
		Dự phòng VND
		26.056.975.072
		25.563.477.848
		493.497.224
		-
		-
		26.056.975.072
		26.885.553.527
		25.207.545.926
		499.092.056
		111.300.000
		25.817.937.982

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí đầu tư các dự án B. O. T chưa khai thác

Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang

Hàng hóa

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	854.759.656	2.257.284.915	31.790.000	3.143.834.571
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	72.336.400	72.336.400
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	854.759.656	2.257.284.915	104.126.400	3.216.170.971
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	742.763.099	1.671.119.985	-	2.413.883.084
Khấu hao trong kỳ	33.568.992	127.279.492	15.345.056	176.193.540
Tại ngày 30/06/2022	776.332.091	1.798.399.477	15.345.056	2.590.076.624
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	111.996.557	586.164.930	31.790.000	729.951.487
Tại ngày 30/06/2022	78.427.565	458.885.438	88.781.344	626.094.347

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 355.566.734 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 303.876.325 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

	30/06/2022				01/01/2022			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	(i)	94.350.000	943.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	(i)		607.325.833.333	-	(i)
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	(i)		242.278.623.284	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000				106.590.000.000		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)
Cộng		2.484.118.823.206				2.484.118.823.206		
b. Đầu tư vào công ty liên doanh								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	831.072.077.286	-	(i)	77.141.770	827.175.623.998	-	(i)
Cộng		831.072.077.286				827.175.623.998		

(i) Giá trị hợp lý của các công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.179.996	16.769.998
b. Dài hạn		
Phí quản lý tài khoản ngân hàng	207.869.393	1.479.472.643
Cải tạo kho An Dương Vương	3.480.866.553	2.215.099.485
Hệ thống máy lạnh VP An Dương Vương	488.918.178	623.365.904
Cộng	4.177.654.124	4.317.938.032
Cộng	4.188.834.120	4.334.708.030

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.196.910.159	2.196.910.159	2.055.006.065	2.055.006.065
Cộng	173.376.290.435	173.376.290.435	173.234.386.341	173.234.386.341

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	682.569.030	682.569.030	682.569.030	682.569.030
Cộng	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832	159.455.870.832

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	893.342.263	893.342.263
Cộng	463.743.722.263	463.743.722.263

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	485.098.396	-	-	485.098.396
Cộng	1.662.529.951	-	-	1.662.529.951
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	436.710.716	224.052.538	212.658.178
Thuế thu nhập cá nhân	205.612.052	559.938.643	701.937.790	63.612.905
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	205.612.052	999.649.359	928.990.328	276.271.083

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	567.760.685	672.233.869
Chi phí phải trả khác	-	120.000.000
Cộng	567.760.685	792.233.869

16. Phải trả khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	95.089.939.789	159.781.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	50.817.624.209	35.741.764.593
Thù lao Hội đồng quản trị	3.555.902.921	-
Các khoản phải trả khác	7.433.200	311.690.333
	174.459.250.119	220.823.305.821
b. Phải trả dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	82.610.048.914	86.851.164.129
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	90.995.678.772	11.695.678.772
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	180.905.727.686	105.846.842.901
Tổng Cộng	355.364.977.805	326.670.148.722
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	95.089.939.789	159.781.500.895
Công ty CII	133.427.673.123	122.592.928.722
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Công ty CP ĐT và PT Xây dựng Ninh Thuận	90.995.678.772	11.695.678.772
Cộng	344.501.641.684	319.058.458.389

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2022		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Công ty CII	270.053.493.151	270.053.493.151	3.600.000.000	266.453.493.151
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	43.670.000.000	43.670.000.000	-	48.870.000.000
Cộng	313.723.493.151	313.723.493.151	3.600.000.000	315.323.493.151
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành Công ty CII	412.065.300.319 57.026.449.681	412.065.300.319 57.026.449.681	- -	454.380.300.319 57.026.449.681
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(43.670.000.000)	(43.670.000.000)	-	(48.870.000.000)
Cộng	425.421.750.000	425.421.750.000	42.315.000.000	462.536.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	48.470.000.000	1 năm	13/04/2022	Lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	270.053.493.151					

Vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	83.383.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,35%-10,5%. Lãi vay hiện tại 10%/năm	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028		Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	
	469.091.750.000					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	43.670.000.000	48.870.000.000
Trong năm thứ hai	111.739.449.681	81.828.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	160.000.000.000	187.026.449.681
Sau năm năm	153.682.300.319	193.682.300.319
Cộng	469.091.750.000	511.406.750.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(43.670.000.000)	(48.870.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	425.421.750.000	462.536.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	618.590.251.953	2.632.105.780.427
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	198.056.402.149	198.056.402.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.169.995.000)	(1.169.995.000)
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	81.310.130.378	815.476.659.102	2.828.992.187.576
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	125.530.151.905	125.530.151.905
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.902.820.107	(9.902.820.107)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.980.564.021)	(1.980.564.021)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(3.555.902.921)	(3.555.902.921)
Tại ngày 30/06/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	925.567.523.958	2.948.985.872.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	111.300.000	
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	1.003.895.402	1.355.459.863
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.960.371.459	938.554.710
Cộng	4.075.566.861	2.294.014.573

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.080.933.924	300.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	698.929.294	300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	65.454.546	
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	558.597.417	
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	136.363.636	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.003.895.402	
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	324.092.642	
Cộng	3.868.266.861	600.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	111.300.000	
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình		1.301.241.468
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.305.254.049	1.206.858.973
Cộng	1.416.554.049	2.508.100.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	137.196.602.864	116.320.219.053
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.742.376.390	22.624.607.955
Cộng	165.938.979.254	138.944.827.008

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

	137.196.602.864	116.320.219.053
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	137.196.602.864	116.320.219.053
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	39.195.358.319	54.588.117.570
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	27.554.147.453	46.828.215.209
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	5.755.535.986	13.433.886.274
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	64.691.561.106	1.470.000.000
Lãi cho vay hỗ trợ vốn	13.873.227.197	7.736.351.894
Công ty CII	5.459.659.560	2.403.890.116
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.946.252.777	1.946.252.777
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	1.576.726.027
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	6.215.643.055	1.459.884.334
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	253.815.626
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	174.950.138	95.783.014
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	-
Cộng	151.069.830.061	124.056.570.947

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay	37.885.751.125	41.566.662.467
Cộng	37.885.751.125	41.566.662.467
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty CII	16.294.403.961	15.741.997.523

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.909.678.558	2.034.644.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	505.424.504	173.863.223
Chi phí khấu hao	1.187.631.164	20.246.114
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(463.021.533)	(86.795.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.184.985	1.485.869.197
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.759.191.358	495.951.523
Cộng	5.182.089.036	4.123.779.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí khác	-	389.689
Cộng	-	389.689

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.530.151.905	93.039.909.710
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	578.331.061	389.689
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(137.196.602.864)	(116.320.219.053)
Thu nhập chịu thuế	(11.088.119.898)	(23.279.919.654)
Thu nhập tính thuế	(11.088.119.898)	(23.279.919.654)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	-	-
Chi đầu tư vào công ty liên doanh	3.896.453.288	-
	3.896.453.288	-
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	-
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	3.600.000.000	14.500.000.000
	3.600.000.000	14.500.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	42.315.000.000	17.882.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	-	-
	42.315.000.000	17.882.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Lợi nhuận được chia trong năm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	3.600.000.000	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	11.000.000.000	45.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	4.000.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.943.000.000	-
Thanh toán hợp đồng cung cấp thiết bị và DV để khảo sát	-	792.342.040
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	409.706.042	685.321.558
Cty CP XD Hạ Tầng CII (E&C)		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia		
Thu tiền thi công dự án	438.958.511	
Chuyển tiền hỗ trợ vốn		43.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn (lãi)		1.576.726.027
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn		
Thu tiền cho thuê văn phòng	351.124.668	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận tiền cổ tức	6.501.839.645	85.770.000.000
Nhận trước tiền vốn chủ sở hữu	79.300.000.000	
Thu hồi tiền lãi hỗ trợ vốn	1.946.252.777	1.946.252.777
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và dịch vụ khác	793.581.819	330.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	72.700.000.000	61.880.000.000
Thu lãi hỗ trợ vốn	4.834.659.722	970.001.001
Thu tiền cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	59.454.545	
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Thu tiền cổ tức được chia	64.013.000.000	43.947.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	-	33.500.000.000
Thu tiền phụ cấp HDTV	-	200.000.000
Thu tiền phụ cấp thành viên	-	600.000.000
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	-	1.470.000.000
Thu tiền thuê VP	150.000.000	
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.200.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	174.950.138	95.783.014
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và dịch vụ khác	548.981.819	300.000.000
Thu tiền bán hàng và thu khác		330.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Thu tiền cho thuê văn phòng	71.345.455	

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	-	
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	129.480.000	
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	35.966.667	
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	71.933.333	
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	71.933.333	
Cộng		309.313.333	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	761.911.233	724.651.977
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	448.058.517	419.852.252
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	192.062.501	-
Cộng		1.402.032.251	1.144.504.229

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 Tháng 07 năm 2022